HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08 /2022/NQ-HĐND	*Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi cho các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHOÁ VIII, KỲ HỌP LẦN THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 7204/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi cho các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung, mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể:

1. Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

2. Quy định về nội dung, mức chi để thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, bao gồm:

a) Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

b) Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông các môn văn hóa;

c) Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp phổ thông;

d) Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện và cấp tỉnh các môn văn hóa;

đ) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước; các cơ sở giáo dục, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham gia các kỳ thi, tập huấn học sinh giỏi để dự thi cấp quốc gia, các cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Quy định nội dung chi và mức chi

1. Nội dung chi

a) Chi cho công tác đề thi

b) Chi cho công tác tổ chức thi và chấm thi

c) Chi cho công tác tập huấn các đội tuyển dự thi quốc gia

2. Mức chi

a) Mức chi cho công tác tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; thi tuyển sinh đầu cấp phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện và cấp tỉnh các môn văn hoá; tập huấn các đội tuyển dự thi quốc gia; thi nghề phổ thông; hội thi giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi và tổng phụ trách đội giỏi cấp tỉnh; cuộc thi hùng biện tiếng Anh cấp tỉnh tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

b) Mức chi cho các cuộc thi, hội thi, kỳ thi khác cấp tỉnh; các cuộc thi, hội thi nằm trong nội dung hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dạy học của ngành giáo dục, sử dụng trong nguồn kinh phí sự nghiệp chung được ngân sách cân đối hàng năm: Được tính tối đa bằng 70% mức chi tương ứng tại Mục III của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

c) Mức chi cho công tác tổ chức xét chọn và chấm giải thưởng cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp ngành: Được tính bằng 70% mức chi quy định tại khoản 3, Điều 2 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi đối với các hội thi sáng tạo kỹ thuật và cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

d) Mức chi cho kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hoá, cuộc thi, hội thi cấp huyện: Được tính tối đa bằng 80% mức chi tương ứng các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh.

đ) Mức chi trên được tính theo tiền công khoán gọn cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi. Trường hợp một

người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

e) Các nội dung chi khác không quy định trong Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách Nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động, nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi công tác tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi tuyển vào các lớp đầu cấp phổ thông, thi học sinh giỏi và các kỳ thi tập trung cấp tỉnh, cấp quốc gia và tập huấn học sinh giỏi để dự thi cấp quốc gia.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp lần thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - Quốc hội;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp
- Các Bộ: GD&ĐT; Tài chính;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các Cv;
- Lưu: VT.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1000 đ)	Ghi chú
I	**Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia**			
1	Ban Chỉ đạo thi			
	Trưởng ban	người/ngày	450	
	Phó Trưởng ban Thường trực	người/ngày	430	
	Phó Trưởng ban	người/ngày	400	
	Ủy viên, Thư ký	người/ngày	300	
	Nhân viên phục vụ	người/ngày	190	
2	Hội đồng thi	người/ngày		
	Chủ tịch	người/ngày	430	
	Phó Chủ tịch	người/ngày	400	
	Các Ủy viên	người/ngày	300	
3	Ban Thư ký Hội đồng thi	người/ngày		
	Trưởng ban	người/ngày	400	
	Phó Trưởng ban	người/ngày	340	
	Ủy viên	người/ngày	300	
4	Hội đồng/Ban sao in đề thi			
	Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	420	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	360	
	Ủy viên, Thư ký, Bảo vệ vòng trong (24/24h)	người/ngày	320	
	Bảo vệ vòng ngoài, Phục vụ	người/ngày	190	
5	Thành viên bộ phận vận chuyển và bàn giao đề thi	người/ngày	300	
6	Hội đồng/Ban coi thi			
	Trưởng ban	người/ngày	400	
	Phó Trưởng ban Thường trực	người/ngày	360	
	Các Phó Trưởng ban,	người/ngày	340	
	Trưởng các Điểm thi	người/ngày	340	
	Phó Trưởng các Điểm thi	người/ngày	320	
	Ủy viên, Thư ký, Cán bộ coi thi, Cán bộ giám sát	người/ngày	300	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Kế toán, Phục vụ	người/ngày	190	
7	Tổ chức chấm thi			
a)	Ban/tổ làm phách			
	Trưởng ban	người/ngày	400	
	Phó Trưởng ban	người/ngày	340	
	Ủy viên, Thư ký, Bảo vệ vòng trong	người/ngày	300	
	Bảo vệ vòng ngoài, Phục vụ	người/ngày	190	
b)	Hội đồng/ Ban chấm thi, Ban phúc khảo, thẩm định			
	Trưởng ban	người/ngày	400	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1000 đ)	Ghi chú
	Phó Trưởng ban trực	người/ngày	360	
	Phó Trưởng ban	người/ngày	340	
	Ủy viên, Thư ký, Kỹ thuật viên	người/ngày	300	
	Tổ trưởng, Tổ phó các tổ chấm thi	người/đợt	300	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Kế toán, Phục vụ	người/ngày	190	*Số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày theo quy định*
	Cán bộ chấm thi kỳ thi tốt nghiệp	người/ngày	350	
	Cán bộ chấm kiểm tra tự luận; phúc khảo, thẩm định (trắc nghiệm và tự luận)	người/ngày	350	
8	Các nhiệm vụ khác có liên quan			
a)	Chi nhập, xử lý dữ liệu thi ban đầu và xử lý kết quả thi	1 trường dữ liệu	0,055	*55 đồng/ trường dữ liệu*
b)	Chi công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi			
	Trưởng Đoàn Thanh tra	người/ngày	400	
	Đoàn viên Thanh tra	người/ngày	300	
	Thanh tra viên độc lập	người/ngày	340	
c)	Chi phí ăn, nước uống cho những người trong hội đồng ra đề thi, sao in đề thi, làm phách trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài	người/ngày		
	Những ngày làm việc cách ly tập trung	người/ngày	285	
	Những ngày cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ	người/ngày	190	
II	**Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hoá; tập huấn các đội tuyển dự thi quốc gia các môn văn hoá**			
1	Hội đồng thi			
	Chủ tịch	người/ngày	430	
	Phó Chủ tịch	người/ngày	400	
	Các Ủy viên	người/ngày	300	
2	Ban Thư ký Hội đồng thi			
	Trưởng ban	người/ngày	400	
	Phó Trưởng ban	người/ngày	340	
	Ủy viên	người/ngày	280	
3	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm và ra đề thi			
3.1	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1000 đ)	Ghi chú
a)	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	Người chủ trì	người/ngày	400	
	Thành viên	người/ngày	300	
b)	Tiền công soạn thảo, chuẩn hoá câu hỏi			
	Soạn câu hỏi thô	câu	35	
	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	câu	28	
	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	câu	25	
	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	câu	20	
	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hoá	câu	6	
c)	Thuê chuyên gia định cỡ câu hỏi trắc nghiệm			
	Người chủ trì	người/ngày	400	
	Thành viên	người/ngày	300	
3.2	Ra đề thi			
a)	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	Người chủ trì	người/ngày	400	
	Thành viên	người/ngày	300	
b)	Ra đề thi đề xuất đối với đề thi tự luận			
	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh	đề	550	
	Thi tuyển sinh đầu cấp	đề	450	
c)	Ra đề thi chính thức			
	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh	người/ngày	600	
	Thi tuyển sinh đầu cấp	người/ngày	500	
4	Hội đồng/Ban ra đề thi			
	Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	400	
	Phó Chủ tịch/Trưởng banThường trực	người/ngày	360	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	340	
	Ủy viên, Thư ký, Bảo vệ vòng trong (24/24h)	người/ngày	300	
	Ủy viên, Thư ký, Bảo vệ vòng ngoài	người/ngày	190	
5	Hội đồng/Ban sao in đề thi			
	Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	400	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	340	
	Ủy viên, Thư ký, Bảo vệ vòng trong (24/24h)	người/ngày	300	
	Bảo vệ vòng ngoài, Phục vụ	người/ngày	190	
6	Thành viên bộ phận vận chuyển và bàn giao đề thi	người/ngày	300	
7	Hội đồng/Ban coi thi			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1000 đ)	Ghi chú
	Trưởng ban	người/ngày	400	
	Phó Trưởng ban	người/ngày	340	
	Trưởng các điểm thi	người/ngày	340	
	Phó Trưởng điểm thi	người/ngày	320	
	Ủy viên, Thư ký, Cán bộ coi thi, Cán bộ giám sát	người/ngày	300	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Kế toán, Phục vụ	người/ngày	190	
8	Tổ chức chấm thi			
a)	Ban/Tổ làm phách			
	Trưởng ban	người/ngày	400	
	Phó Trưởng ban	người/ngày	340	
	Ủy viên, Thư ký, Bảo vệ vòng trong	người/ngày	300	
	Bảo vệ vòng ngoài, phục vụ	người/ngày	190	
b)	Hội đồng/Ban chấm thi, Ban phúc khảo, thẩm định			
	Trưởng ban	người/ngày	400	
	Phó Trưởng ban trực	người/ngày	360	
	Phó Trưởng ban	người/ngày	340	
	Ủy viên, Thư ký, Kỹ thuật viên	người/ngày	300	
	Tổ trưởng, Tổ phó các Tổ chấm thi	người/đợt	300	
	Công an, Bảo vệ,Y tế, Kế toán, Phục vụ	người/ngày	190	
	Cán bộ chấm thi kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	người/ngày	370	*Số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày theo quy định*
	Cán bộ chấm thi kỳ thi tuyển sinh đầu cấp	người/ngày	350	
	Cán bộ chấm kiểm tra tự luận; phúc khảo, thẩm định (trắc nghiệm và tự luận)	người/ngày	350	
9	Các nhiệm vụ khác có liên quan			
a)	Chi nhập xử lý dữ liệu thi ban đầu và xử lý kết quả thi	1 trường dữ liệu	0,055	*55 đồng/ trường dữ liệu*
b)	Chi công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi			
	Trưởng đoàn Thanh tra	người/ngày	400	
	Đoàn viên Thanh tra	người/ngày	300	
	Thanh tra viên độc lập	người/ngày	340	
c)	Chi phí ăn, nước uống cho những người trong hội đồng ra đề thi, sao in đề thi, làm phách trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1000 đ)	Ghi chú
	Những ngày làm việc cách ly tập trung	người/ngày	285	
	Những ngày cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ	người/ngày	190	
10	Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi quốc gia các môn văn hoá			
	Chi biên soạn và giảng dạy:			
	Dạy lý thuyết	tiết	280	
	Dạy thực hành	tiết	380	
	Trợ lý thí nghiệm, thực hành	tiết	130	
	Chi phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	ngày	36	
III	**Tổ chức thi nghề phổ thông phổ thông, hội thi giáo viên dạy giỏi và chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách Đội giỏi cấp tỉnh, cuộc thi hùng biện tiếng Anh cấp tỉnh**			
1	Hội đồng thi			
	Chủ tịch	người/ngày	280	
	Phó Chủ tịch	người/ngày	240	
	Các Ủy viên	người/ngày	210	
	Nhân viên phục vụ	người/ngày	130	
2	Ra đề thi			
a)	Ra đề thi đề xuất			
				Đề thực hành không vượt quá 65% đề lý thuyết
	Thi nghề phổ thông	đề	220	
b)	Ra đề thi chính thức			
	Ra đề tự luận và trắc nghiệm thi nghề phổ thông	người/ngày	300	*Đề thực hành không vượt quá 65% đề lý thuyết*
	Ra đề thi hùng biện tiếng Anh, thi giáo viên dạy giỏi và chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách Đội giỏi cấp tỉnh	người/ngày	350	
3	Hội đồng/Ban ra đề thi			
	Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	280	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	240	
	Ủy viên, Thư ký, Bảo vệ vòng trong	người/ngày	200	
	Ủy viên, Thư ký, Bảo vệ vòng ngoài	người/ngày	130	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1000 đ)	Ghi chú
4	Hội đồng/Ban sao in đề thi			
	Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	280	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	240	
	Ủy viên, Thư ký	người/ngày	210	
	Bảo vệ vòng ngoài, Phục vụ	người/ngày	130	
5	Hội đồng/Ban coi thi			
	Chủ tịch Hội đồng	người/ngày	240	
	Phó Chủ tịch Hội đồng	người/ngày	220	
	Ủy viên, Thư ký, Cán bộ coi thi, Cán bộ giám sát	người/ngày	210	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Kế toán, Phục vụ	người/ngày	130	
6	Tổ chức chấm thi			
a)	Ban/Tổ làm phách			
	Trưởng ban	người/ngày	280	
	Phó Trưởng ban	người/ngày	240	
	Ủy viên, Thư ký	người/ngày	210	
	Bảo vệ vòng ngoài, Phục vụ	người/ngày	130	
b)	Hội đồng/Ban chấm thi, Ban phúc khảo, thẩm định			
	Trưởng ban/ Chủ tịch hội đồng	người/ngày	280	
	Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch Hội đồng	người/ngày	240	
	Ủy viên, Thư ký, Kỹ thuật viên	người/ngày	210	
	Tổ trưởng, Tổ phó các Tổ chấm thi	người/ngày	210	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Kế toán, Phục vụ	người/đợt	130	
	Cán bộ chấm thi nghề phổ thông	người/ngày	240	
	Cán bộ chấm thi hùng biện tiếng Anh cấp tỉnh	người/ngày	280	
	Cán bộ chấm bài thi lý thuyết hội thi giáo viên dạy giỏi và chủ nhiệm giỏi, Tổng phụ trách Đội giỏi cấp tỉnh	người/ngày	280	
	Cán bộ chấm thi thực hành hội thi giáo viên dạy giỏi và chủ nhiệm giỏi, Tổng phụ trách Đội giỏi cấp tỉnh	người/tiết	120	
7	Chi công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi			
	Trưởng Đoàn Thanh tra	người/ngày	280	
	Đoàn viên Thanh tra	người/ngày	210	
	Thanh tra viên độc lập	người/ngày	240	